Ký bởi: Văn phòng Ủy ban Nhân dân
Thời gian ký: 21/06/2016 16:12:41

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2139 /QĐ-UBND	*Thanh Hoá, ngày 21 tháng 6 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt số lượng và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ (Đợt 2, năm 2016)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Thực hiện Công văn số 2446/BNV-TCBC ngày 30 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nội vụ về việc thẩm tra danh sách tinh giản biên chế của tỉnh Thanh Hoá đợt II năm 2016;

Xét đề nghị của Liên Sở: Nội vụ - Tài chính tại Tờ trình số 234/TTr-LS:NV-TC ngày 07/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 2 năm 2016 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tổng số đối tượng thực hiện tinh giản biên chế: 207 người (gồm: Khối hành chính 47 người, Khối sự nghiệp 160 người);

2. Dự toán tổng kinh phí thực hiện: 22.751.300.000 đồng (Hai mươi hai tỷ, bảy trăm năm mươi mốt triệu, ba trăm ngàn đồng);

Trong đó:

- Về hưu trước tuổi: 197 người; Kinh phí thực hiện: 21.607.874.000 đ

- Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước: 01 người; Kinh phí thực hiện: 72.948.000 đ

- Thôi việc ngay: 09 người; Kinh phí thực hiện: 1.070.478.000 đ

(Có biểu tổng hợp kèm theo)

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP do Trung ương bổ sung có mục tiêu.

Điều 2. Giám đốc các Sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ số lượng được phê duyệt, ban hành Quyết định cho từng đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo quy định hiện hành.

Giao Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện và báo cáo quyết toán kinh phí theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TTr Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Thìn

TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TINH GIẢN BIÊN CHẾ ĐỢT 2 NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế					Kinh phí cho tinh giản biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng số	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Tổng cộng	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng (I +II)	**207**	**197**	**1**	**9**	**-**	**22,751,300**	**21,607,874**	**72,948**	**1,070,478**	**-**
I	**Khối hành chính:**	**47**	**42**	**0**	**5**	**0**	**3,173,179**	**2,792,178**	**0**	**381,001**	**0**
a	**Cấp tỉnh**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**256,972**	**256,972**	**0**	**0**	**0**
1	VP UBND tỉnh	1	1				112,152	112,152			
2	Sở Văn hóa, TT và DL	1	1				0	0			
3	Sở Nông nghiệp và PTNT	1	1				144,820	144,820			
b	**Cấp huyện**	**7**	**7**	**0**	**0**	**0**	**701,642**	**701,642**	**0**	**0**	**0**
1	Huyện Vĩnh Lộc	1	1				105,380	105,380			
2	Huyện Hoằng Hóa	1	1				126,984	126,984			
3	Huyện Yên Định	1	1				106,296	106,296			
4	Huyện Ngọc Lặc	2	2				171,964	171,964			
5	Huyện Mường Lát	1	1				58,138	58,138			
6	Huyện Nông Cống	1	1				132,880	132,880			
c	**Khối xã, phường**	**37**	**32**	**0**	**5**	**0**	**2,214,565**	**1,833,564**	**0**	**381,001**	**0**
1	Huyện Thường Xuân	4	4				273,460	273,460			
2	Huyện Quan Hóa	3	3				135,864	135,864			
3	Huyện Quảng Xương	3	3				160,368	160,368			
4	Huyện Tĩnh Gia	2	1		1		129,943	57,054		72,889	
5	Huyện Thọ Xuân	1	1				0	0			
6	Huyện Triệu Sơn	2	2				158,703	158,703			

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế					Kinh phí cho tinh giản biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng số	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Tổng cộng	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Huyện Đông Sơn	2	2				78,297	78,297			
8	Huyện Lang Chánh	2	2				129,906	129,906			
9	Huyện Yên Định	1	1				29,223	29,223			
10	Huyện Ngọc Lặc	1	1				75,489	75,489			
11	Huyện Như Thanh	2	2				44,834	44,834			
12	Huện Bá Thước	3	1		2		244,047	72,524		171,523	
13	Huyện Nông Cống	9	8		1		620,531	540,034		80,497	
14	Huyện Mường Lát	2	1		1		133,900	77,808		56,092	
II	**Khối sự nghiệp**	**160**	**155**	**1**	**4**		**19,578,121**	**18,815,696**	**72,948**	**689,477**	**-**
a	**Cấp tỉnh**	**21**	**19**	**-**	**2**		**2,658,266**	**2,299,251**	**-**	**359,015**	**-**
1	Sở Văn hóa, TT và DL	1			1		196,374			196,374	
2	Sở Nông nghiệp và PTNT	2	1		1		321,211	158,570		162,641	
3	Sở Y tế	3	3				100,958	100,958			
4	Trường CĐ thể dục T.thao	1	1				126,920	126,920			
5	Trường CĐ Nghề NN và NTNT	1	1				171,449	171,449			
6	Sở Giáo dục và ĐT	13	13				1,741,354	1,741,354			
b	**Cấp huyện**	**139**	**136**	**1**	**2**	**0**	**16,919,855**	**16,516,445**	**72,948**	**330,462**	**0**
1	Huyện Thường Xuân	4	4				468,292	468,292			
2	Thị xã Sầm Sơn	2	2				188,884	188,884			
3	Thị xã Bỉm Sơn	3	3				375,721	375,721			
4	Huyện Thiệu Hóa	3	3				332,808	332,808			
5	Huyện Tĩnh Gia	1	1				119,574	119,574			

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế					Kinh phí cho tinh giản biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng số	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Tổng cộng	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6	Huyện Thọ Xuân	2	2				215,609	215,609			
7	Huyện Triệu Sơn	2	2				213,838	213,838			
8	Huyện Đông Sơn	5	5				578,329	578,329			
9	Huyện Vĩnh Lộc	9	9				1,278,785	1,278,785			
10	Huyện Lang Chánh	1	1				127,121	127,121			
11	Huyện Hoằng Hóa	10	10				1,129,426	1,129,426			
12	Huyện Thạch Thành	35	35				4,592,369	4,592,369			
13	Huyện Yên Định	7	7				1,032,602	1,032,602			
14	Huyện Ngọc Lặc	9	9				1,061,307	1,061,307			
15	Huyện Như Thanh	18	18				2,131,442	2,131,442			
16	Huyện Bá Thước	2	2				116,571	116,571			
17	Thành phố Thanh Hóa	9	6	1	2		1,134,430	731,020	72,948	330,462	
18	Huyện Nông Cống	17	17				1,822,747	1,822,747			

Biểu 2

TỔNG HỢP CHUNG DANH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỢT 2 NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 2139 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi đa đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tăng số năm	Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG CỘNG (I+II)																							22,751,300	
i	**KHỐI HÀNH CHÍNH**																							3,173,179	
a	**CẤP TỈNH**																							256,972	
1	VP UBND tỉnh																							112,152	
1	Nguyễn Quang Hải	15/05/1959	ĐH	Phó trưởng phòng NN	4,98	09/2009	0,3	01/2015			6%	09/2013	4,98	09/2009	6,436	5,751	32 n 10 th		57 t 2 th	01/8/2016	x			112,152	02 năm liên tiếp liền kề CC được phân loại đánh giám mức độ HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp. Do bệnh tái biến.
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch																								
2	Đỗ Văn Hoàn	6/9/1957	ĐH	Q.TP tổ chức	4,98	10/2010	0,5	10/2012			6%	10/2014	4,98	10/2010	6,992		37 n 10 th		58 t 11 th	01/7/2016	x			0	02 năm liên tiếp liền kề CC được phân loại đánh giám mức độ HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp
3	Sở Nông nghiệp và PTNT																							144,820	
3	Hoàng Thái Huế	26/3/1961	SC	Kiểm lâm viên sơ cấp	3,63	12/2005			29%	08/2015	13%	12/2015	3,45	12/2003	5,928	5,570		33 n 9 th	55 t 5 th	01/9/2016	x			144,820	02 năm liên tiếp liền kề CC được phân loại đánh giám mức độ HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực
b	**CẤP HUYỆN**																							701,642	
1	Huyện Vĩnh Lộc																							105,380	
4	Trịnh Ngọc Tuấn	01/5/1959	ĐH	Chuyên viên, Phòng TNMT	4.98	12/2012							4.98	12/2012	6,026	5,269	33n 7th		57n 2th	01/7/2016	x			105,380	Có 2 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giảm biên chế, CC 1 năm được phân loại đánh giá xếp loại HTNV, 1 năm Không HTNV không thể bố trí việc làm khác phù hợp
2	Huyện Hoằng Hóa																							126,984	
5	Hoàng Huy Nam	16/08/1959	TC	Cán sự phòng nội vụ	4.06	10/2004					20%	12/2014	4.06	10/2014	5,944	5,183	38 n 09 th		56 tuổi 11 tháng	01/07/2016	x			126,984	02 năm liên tiếp liền kề CC được phân loại đánh giám mức độ HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực
3	Huyện Yên Định																							106,296	
6	Trịnh Minh Tuyến	08/10/1958	TC	Cán sự văn phòng HĐND-UBND	4.06	10/2004					14%	12/2013	4.06	10/2004	5,600	4,944	39n1th 1 th		57n9th	01/07/2016	x			106,296	02 năm liên tiếp liền kề, CC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi đa đáng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
4	Huyện Ngọc Lặc																							171,964	
7	Phạm Văn Hiển	27/9/1959	CĐ	KT viên, CĐ, Văn thư	4.89	07/2014							4.58	7/2011	5,917	5,068	36 n		56 tuổi	01/7/2016	x				Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, công chức được phân loại, đánh giá 01 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
				HĐND-UBND									4.89	7/2014			03 th		09 tháng					117,831	
				huyện																					
8	Nguyễn Thị	14/12/1963	ĐH	Chuyên viên,	4.32	7/2015							3.66	10/2011	5,227	4,419	20 n		52 tuổi	01/10/2016	x			54,133	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, công chức được phân loại, đánh giá 01 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
	Hằng			phòng Nông nghiệp&PTNT									3,99	7/2012			03 th		10 tháng						
				huyện									4,32	7/2015											
5	Huyện Mường Lát																							58,138	
9	Bùi Minh Hải	15/12/1959	ĐH	CV phòng	4.32	10/2013							3,99	10/2010	6316	4647	21 n		56 t	1/12/2016	n				02 năm liên tiếp liền kề, CC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
				NN huyện															11 th					58,138	
6	Huyện Nông Cống																							132,880	
10	Phạm Văn	20/12/1958	ĐH	TTHĐND	4.98	06/2013	0.45	07/2011			6%	06/2014	4.98	06/2013	6,965	6,040	39n		57t	01/7/2016	n			132,880	CB có năng lực, uy tín thấp, năm 2014 xếp loại đạt mức HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực, năm 2015 không HTNV, không được tiếp tục cơ cấu vào vị trí đang đảm nhiệm ở nhiệm kỳ mới , nhưng không sắp xếp được việc làm khác phù hợp
	Tường			huyện													9th		6th						
C	CẤP XÃ, PHƯỜNG																							2,214,565	
I	Huyện Thường Xuân																							273,460	
11	Hoàng Minh	21/12/1958	TC	BTĐỦY	4,06	04/2014	0,3	04/2010					3,66	04/2010	4,913	4,572	33n		57t	01/09/2016	n			87,267	Cán bộ không đủ năng lực uy tín, không đủ tuổi tham gia tái cử nhiệm kỳ mới
	Tân			CTHĐND			0,25	09/2015					3,86	04/2012			09th		08th						
				xã Xuân Lẹ																					
12	Nguyễn Văn	10/10/1960	TC	PCT UBND	3,66	10/2015	0,2	10/2009					3,26	10/2011	4,429	3,916	32n		55t	01/09/2016	x			94,959	Cán bộ không đủ năng lực uy tín tham gia tái cử nhiệm kỳ mới
	Lâm			xã Ng. Phụng									3,46	10/2013			05th		11th						
13	Nguyễn Văn Thủy	05/10/1957	-	Trưởng C.an	2,25	05/2006							1,70	06/2004	2,723	2,448	20n		58t	01/09/2016	x			-	Cán bộ không đủ năng lực uy tín tham gia tái cử nhiệm kỳ mới, chưa đạt trình độ theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ
				xã Ng. Phụng													05th		11th						

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
14	Lữ Khắc Thuyền	13/08/1961	TC	PCTHĐND	3,86	05/2015	0,2	5/2009					3.46	05/2011	4,670	4,147	23n		55t	01/09/2016	x			91,234	Cán bộ không đủ năng lực uy tín tham gia tái cử nhiệm kỳ mới
				xã Luận Khê									3.66	05/2013			11th		01th						
2	Huyện Quan Hóa																							135,864	
15	Cao Hằng Ngom	23/11/1961	TC Lâm nghiệp	Công chức Văn hóa- xã hội xã Thanh Xuân	2.46	1/11/2015							2.06	01/11/2011	2,977	2,621	27n11t		55n0t	1/12/2016	x			62,904	Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực có 01 năm không HTNV được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác.
													2.26	01/11/2013											
16	Hà Đức Vương	01/4/1960		CT Hội ND xã Phú Nghiêm	2,25	01/2010							1,18	12/2011	2723	2434	33 n 7 th		56 n 3 th	1/8/2016	x			55,982	CB không đạt chuẩn về chuyên môn (không có bằng CM), uy tín thấp, không được dự nguồn tái ứng cử vào vị trí đang làm, nhưng không sắp xếp được việc khác phù hợp
17	Cao Xuân Nghĩa	29/5/1959		CCVP thống kê xã Hải Xuân	1,18	12/2011							1,18	12/2011	1428	1306	22 n		57 n 6 th	01/12/2016	x			16,978	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm.
3	Huyện Quảng Xương																							160,368	
18	Lường Văn Dũng	17/02/1960	TC	PCT mặt trận xã Quảng Khê	2.86	01/7/2015	0.2	01/7/2011					2.66	01/7/2013	3,703	3,045	31N		56N5T	01/7/2016	x			65,472	Cán bộ không đủ năng lực uy tín, không đủ tuổi tham gia tái cử nhiệm kỳ mới
													2.46	01/7/2011			2T								
19	Hàn Văn Ngọc	10/8/1958		Vp thống kê xã Quảng Văn	3.26	01/6/2016							30.6	01/6/2014	3,945	3,145	32N		57N11T	01/7/2016	x			56,602	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm.
													2.86	01/6/2012											
20	Lê Xuân Lực	20/10/1958		Công chức địa chính xã Quảng Trạch	3.06	01/11/2015							2.86	01/11/2013	3,703	3,003	21N5T		57N8T	01/7/2016	x			38,294	Hai năm liên tiếp tại thời điểm xét tinh giản biên chế, công chức có 02 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực.
													2.66	01/11/2011											
4	Huyện Tĩnh Gia																							129,943	
21	Nguyễn Văn Dư	15/10/1958	TC	Chỉ huy	2,86	1/2016							2,26	1/2012	3,461	2,717	39 n		58 t	01/10/2016	x			57,054	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn CM,NV quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp ko bố trí ĐT lại để chuẩn hóa về CM
			KT	trưởng QS									2,66	1/2015			9 th								
				xã Anh Sơn									2,86	1/2016											
22	Nguyễn Văn Việt	12/10/1960	CĐ	CCVH -XH	2,41	11/2010							2,10	11/2007	2,916	2,592	16 n		55 t	01/7/2016			x	72,889	02 năm liên tiếp liền kề CC được phân loại đánh giảm mức đó HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp
				xã Hải Thanh													6 th		9 th						

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiệu hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,OH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
5	Huyện Thọ Xuân																							0	
23	Lê Thị Liên	20/7/1962		CT Hội Phụ nữ	3,86	4/2015	0,15	1/2010					3,26	7/2011	4,439	4,024	20 n		54 t	01/7/2016	x			0	Không đủ tuổi để cơ cấu tái cử vào Ban chấp hành Đảng bộ và tái cử Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã nhiệm kỳ 2016-2021
				xã Xuân									3,46	4/2012			3 th		11 th						
				Yên									3,66	4/2014											
7	Huyện Triệu Sơn																							158,703	
24	Hà Thọ Trường	22/10/1958	TC	CT HĐND	4,06	12/2013	0,3	12/2009			7%	12/2015	4,06	12/2011	5,365	4,818	35 n		57 t	01/7/2016	x			93,951	Cán bộ không đủ năng lực uy tín tham gia tái cử nhiệm kỳ mới, chưa đạt trình độ theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ
				xã Hợp													1 th		8 th						
				Thành																					
25	Lê Đình Thuần	24/4/1959	TC	PCT HĐND	3,86	2/2014	0,2	2/2009					3,66	2/2014	4,439	4,047	25 n		57 t	01/7/2016	x			64,752	Cán bộ không đủ năng lực uy tín tham gia tái cử nhiệm kỳ mới, chưa đạt trình độ theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ
				xã Xuân Lộc													9 th		3 th						
6	Huyện Đông Sơn																							78,297	
26	Trần Duy Tuấn	15/9/1958	TC	CT HĐND	4,06	7/2015	0,25	6/2011					3,66	7/2011	4,956	4,350	32 n		57 t	01/7/2016	x			78,297	Cán bộ không đủ năng lực uy tín tham gia tái cử nhiệm kỳ mới
				xã Đông									3,86	7/2013					9 th						
				Minh																					
27	Lê Xuân Chiến	19/7/1957	TC	CT MTTQ	2,66	9/2015	0,2	6/2011					2,26	9/2011	3,519	2,809	20 n		58 t	01/7/2016	x			0	Cán bộ không đủ năng lực uy tín, không đủ tuổi tham gia tái cử nhiệm kỳ mới
				xã Đông									2,46	9/2013			5 th		11 th						
				Minh																					
7	Huyện Lang Chánh																							129,906	
28	Lương Văn Ngọi	11/9/1961	TC	Chủ tịch	4.06	1/1/2013	0.15	1/1/2013			7%	1/12/2015	2.25	1/1/2011	4,995	4,302	32n,		55T, 0th	1/10/2016	X			112,928	Chủ tịch Hội nông dân xã, do năng lực chuyên môn, uy tín hạn chế, không tham gia ứng cử chủ tịch Hội nông dân xã khóa tới, nhưng không thể bố trí công việc khác
				Hội nông													4th								
				dân xã																					
29	Hà Văn Nguyên	03/8/1959		Công chức	1.18	1/10/2004							1.09	1/11/2003	1,357	1,306	20n		57T,4th	1/12/2016	X			16,978	Công chức không có bằng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực chuyên môn hạn chế, nhưng không thể bố trí việc làm khác
				Tư pháp																					
				hộ tịch xã																					
8	Huyện Yên Định																							29,223	
30	Trịnh Văn Hồng	12/10/1961		Công chức VH XH xã Định Hải	1.18	10/2004							1.18	10/2004	1,428	1,299	26n		55n1th	01/11/2016	x			29,223	Chưa đạt trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định, không có vị trí việc làm phù hợp khác
																	11th								
9	Huyện Ngọc Lặc																							75,489	
31	Phạm Văn Thế	12/9/1960	TC	PCT xã	3,46	12/2015	0,20	07/2011					2,86	7/2011	4,429	3,638	25 n		55 tuổi	01/7/2016	x			75,489	Cả 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá
				Quang Trung									3,06	12/2011			05 th		09 tháng						

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,OH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
													3,26	12/2013											xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực. Sức khỏe yếu, đa bệnh tiểu đường tup 2 mắt kém
													3,46	12/2015											
10	Huyện Như Thanh																							44,834	
32	Nguyễn Sỹ Thắng	10/11/1958	TC	Chủ tịch CCB xã	2.86	12/1/2014	0.15	1/1/2010					2.46	12/2010	3,461	3.092	25 n		57 tuổi	01/9/2016	x			44,834	Không đủ tuổi tái cử, năng lực hạn chế, tín nhiệm thấp
													2.66	12/2012			01 th		10 tháng						
33	Nguyễn Danh	11/5/1958	TC	Chủ tịch UBMTTQ xã	4.06	10/1/2010	0.2				11%	11/2016	3.86	10/2004	5,389		31 n		58 tuổi	01/12/2016	x				Không đủ tuổi tái cử, năng lực hạn chế, tín nhiệm thấp
	Thanh																3 th		6 tháng						
13	Huyện Bá Thước																							244,047	
34	Hà Xuân Kéo	20/8/1958	TC	CT MTTQ	4.06	12/2011	0.2	01/2010			6%	12/2014	3.86	12/2009	5,175	4,679	26N		57T10T	01/7/2016	x			72,524	Cán bộ xã không tham gia cấp ủy khóa mới do không đủ năng lực uy tín nên không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí
				xã Văn Nhn													7T								
35	Hồ Thanh	09/8/1964	TC	CC địa chính	2.46	11/2014							2.26	11/2012	2,829	2,829	21N		52T	01/7/2016			x	87,394	CC Có 02 năm liên tiếp liền kề HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực do Bệnh hiểm nghèo (Bệnh K, ung thư vòm họng giai đoạn cuối)
	Dương			xã Văn Nho													5T								
36	Hà Văn Thống	07/11/1957	TC	CC VP	2.86	5/2015							2.66	5/2013	3,289	2,892	16N		57T11T	01/9/2016			x	84,129	Có 02 năm liên tiếp liền kề HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
				Thống kê													8T								
				xã Ái thượng																					
11	Huyện Nông Cống																							620,531	
37	Vũ Minh Tân	28/08/1961		PCT	2.66	01/2015	0.2	10/2011					2.26	10/2011	3,289	2,945	31n		55t	01/10/2016	x			72,153	CB không đạt chuẩn về chuyên môn (không có bằng CM), uy tín thấp, không được dự nguồn tái ứng cử vào vị trí đang làm, nhưng không sắp xếp được việc khác phù hợp
				HĐND									2.46	01/2013					01th						
				xã Tượng Sơn																					
38	Nguyễn Kim	04/06/1961	TC	CC địa chính	3.26	09/2013							2.86	09/2009	3,945	3,416	31n		55t	01/7/2016	x			85,400	CC có 2 năm liên tiếp tại thời điểm tinh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được việc làm khác phù hợp
	Thông			xã Tương Sơn									3.06	09/2011			10t		01th						
39	Trần Quân Hành	06/12/1960		CT	3.86	03/2015	0.3	8/011					3.46	03/2011	4,973	4,248	27n		55t	01/7/2016	x			93,456	CB Không đạt chuẩn về chuyên môn (không có bằng CM), năng lực, uy tín thấp, không được dự nguồn tái ứng cử vào vị trí đang làm ở khóa mới,
				HĐND			0.25	01/013					3.66	03/2013			7th		7th						
				xã Cẩng Bình																					

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
																									nhưng không sắp xếp được việc khác phù hợp
40	Cao Ngọc Phú	05/09/1958	TC	CC địa chính	3.06	09/2013							2.66	09/2009	3,703	3,226	26n		57t	01/8/2016	x			50,003	
				xã Tế Thắng									2.86	09/2011			10th		11th						CC có 2 năm liên tiếp tại thời điểm tinh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được việc làm khác phù hợp
41	Nguyễn Xuân Hòa	10/09/1958		CC VHXH	1.18	07/2011							1.18	07/2011	1,428	1,269	24n		57t	01/7/2016	x			18,083	
				Xã Trung Ý													3th		10th						Công chức không đạt trình độ chuẩn về chuyên môn (không có bằng chuyên môn), nhưng không sắp xếp được việc làm khác phù hợp
42	Lê Huy Tuấn	03/06/1961	TC	CT MTTQ	3.66	03/2012	0.3	7/011					3.46	03/2011	4,731	4,209	35n		55t	01/7/2016	x			113,643	
				Xã Trung Ý			0.25	3/014									11th		01th						CB có năng lực, uy tínthấp, năm 2014 xếp loại đạt mức HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực, năm 2015 không HTNV, không được tiếp tục cơ cấu vào vị trí đang đảm nhiệm ở nhiệm kỳ tới , nhưng không sắp xếp được việc làm khác phù hợp
43	Trần Minh Lương	06/07/1961	TC	PCT HĐND	2.66	03/2015	0.2	8/011					2.26	08/2011	3,461	2,883	21n		55t	01/8/2016	x			56,939	
				thị trấn									2.46	03/2013			4th		01th						Cán bộ có năng lực, uy tín thấp, không được tiếp tục cơ cấu vào vị trí đang đảm nhiệm ở nhiệm kỳ tới , nhưng không sắp xếp được việc làm khác phù hợp
44	Nguyễn Văn Ba	10/09/1962	TC	CC TCKT	2.46	04/2013							2.26	07/2011	2,976	2,579	18n		53t	01/7/2016			x	80,497	
				xã Thăng Long													6 th		10th						CC có 2 năm liên tiếp tại thời điểm tinh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được việc làm khác phù hợp
45	Lâm Quang Cảnh	15/09/1958	TC	PCT HĐND	2.66	06/2015	0.2	07/2011					2.26	07/2011	3,461	2,837	31n		57t	01/7/2016	x			50,357	
				xã Tượng Văn									2.46	06/2013			6th		10th						Cán bộ có năng lực, uy tín thấp, không được tiếp tục cơ cấu vào vị trí đang đảm nhiệm ở nhiệm kỳ tới , nhưng không sắp xếp được việc làm khác phù hợp
12	Huyện Mường Lát																							133,900	
46	Vi Văn Cam	12/4/1962	TC	Chỉ huy	2,25	04/2012							1,75	04/2011	2723	2493	13 n		54 t	01/12/2016			x	56,092	
				trưởng Q.sự															8th						CB có năng lực, uy tínthấp, năm

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,DH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
				aa Quang Chiểu																					2014 xếp loại đạt mức HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực, năm 2015 không HTNV, không được tiếp tục cơ cấu vào vị trí đang đảm nhiệm ở nhiệm kỳ tới , nhưng không sắp xếp được việc làm khác phù hợp
47	Ngân Văn Thắm	21/7/1961	TC	Chủ tịch	3,46	10/2015	0,15	6/2011					3,06	12/2011	4187	3619	24 n		55 t	01/12/2016	x			77,808	Cán bộ có năng lực, uy tín thấp, không được tiếp tục cơ cấu vào vị trí đang đảm nhiệm ở nhiệm kỳ tới , nhưng không sắp xếp được việc làm khác phù hợp
				Hội CCB xã Muong Lý									3,26	10/2013					5th						
II	KHỐI SỰ NGHIỆP																							19,578,121	
n	KHỐI TỈNH																							2,658,266	
I	Sở Nông nghiệp và PTNT																							321,211	
48	Hoàng Đình	03/4/1973	Kỹ	Đội phó	3,99	01/6/2014	0,25	07/2011					3,66	01/6/2011	5,130	4,363	22 n		43 t	01/7/2016			a	162,641	VC 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực
	Thắng		sư	Đoàn QH													4 th		3 th						
				NL nghiệp																					
49	Trương Đức Lộc	09/11/1961	Trung	KLVTC	4,06	01/10/2004			28%	01/12/2015	13%	01/4/2015	3,86	01/10/2002	6,583	6,343	29 n	29 n	55 t	01/12/2016	a			158,570	VC 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực
			cấp	Khu BTTN							12%	01/10/2013					8 th	8 th							
				Pù Hu																					
2	Trường Cao Đẳng TD,Thể thao																							126,920	
50	Lường Thị Hiếu	1/5/1964	ĐH	giáo viên	4.98	4/2015			25%	9/2015	5%	4/2015	4.98	4/2012	7,516	6,680	31N		52 t	01/08/2016	x			126,920	VC 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực, đa mỏ tim và thấp khớp nặng
									24%	9/2014							10 th		2 th						
3	Trường Cao Đẳng Nghề NN và PTNT																							171,449	
51	Nguyễn Hữu Thuận	15/5/1961	ĐH	Phó TP TCHC	4,98	10/2010	0,35	09/2010			6%	10/2014	4,65	10/2007	6,811	6,096	38 n		55 t	01/11/2016	a			171,449	VC 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực, không đủ ĐK để bổ nhiệm lại
																	5 th		5 th						
4	Sở Y tế																							100,958	
52	Lương Văn Quang	15/12/1960	SC	NV Y tế xã Tân Tân huyện Mường Lát	3,63	01/2014					5%	1/2016	3,45	01/2012	4,383	3,883	35 n		55 t	01/09/2016	x			100,958	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí, không thể đào tạo lại do quá tuổi
																	10 th		8 th						
53	Khương Thị Huê	12/7/1962	SC	Dược tá BV Đa khoa	3,63	10/2014					15%	12/2015	3,63	10/2014	4,801	4,441	36 n		54 n	01/08/2016	x				Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ đối với vị trí
																	7 th								

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi đã đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
				huyện Q.Hóa																					việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí, không thể đào tạo lại do quá tuổi
54	Phạm Thị Hên	2/4/1962	SC	Hộ lý BV	3,63	12/2005					13%	12/2015	3,63	12/2005	4,717	4,362	37 n		54 t	01/08/2016	x				Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn CM, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí, không thể đào tạo lại do quá tuổi
				Đa khoa													3 th		3 th						
				huyện Q.Hóa																					
5	Sở Giáo dục và Đào tạo																							1,741,354	
55	Lê Thị Tung	7/7/1964	TC	NVHC THPT	2.98	12/2004					21	12/2014	2.98	07/2011	4399	3,832	31N6T		52N0T	01/07/2016	x			75,682	Có 2 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
			Thú Y	Thường																					
				Xuân																					
56	Lương Thị Chi	18/10/1963	ĐH	GVTHPT	4.98	10/2008	0.25	08/2011	28	01/2016	9	10/2015	4.98	08/2011	8795	7,577	29 N		52N10T	01/08/2016	x			128,809	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy bộ môn Văn nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
				Thạch													10T								
				Thành 1																					
57	Phạm Hồng Vân	25/12/1960	ĐH	GV THPT	4.98	10/2010			26	12/2015	7	10/2015	4.98	07/2011	8124	6,858	28N		55N7T	01/07/2016	x			154,305	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy bộ môn Toán nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
				Vĩnh Lộc													7T								
58	Phan Văn Hiền	1/12/1960	ĐH	GV THPT	4.98	09/2008	0.15	09/2011	26	09/2015	9	09/2015	4.98	07/2011	8276	7,374	37N		55N7T	01/07/2016	x			199,098	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy bộ môn Toán nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
				Hà Trung													11T								
59	Trịnh Viết Phúc	6/5/1959	ĐH	GV THPT	4.98	10/2005			32	09/2015	12	10/2015	4.98	08/2011	8909	7,703	34N		57N3T	01/08/2016	x			157,912	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy bộ môn Toán nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
				Yên Định 1													11T								
60	Lưu Đình Lâm	19/08/1958	SC	VT THPT	3.33	12/2004					21	12/2014	3.33	07/2011	4916	4,282	39N		57N11T	01/07/2016	x			93,134	Có 2 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
			kế toán	Lam Kinh													3 th								
				Thọ Xuân																					
61	Lê Đình Thinh	28/09/1959	ĐH	GV THPT	4.98	10/2004			33	08/2016	20	10/2015	4.98	09/2011	9617	8,328	35N		57N0T	01/09/2016	x			179,052	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy bộ môn Toán nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
				Đông Sơn 1													1 th								
62	Lê Văn Thanh	9/8/1958	ĐH	TPCM THPT	4.98	11/2014	0.15	08/2012	32	10/2015			4.32	07/2011	8193	6,825	34N		57N11T	01/07/2016	x			133,088	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy bộ môn Tiếng Anh nhưng không
				Tĩnh Gia 3													9T								

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,DH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngoy		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
																									the bố trí sắp xếp được việc làm khác
63	Nguyễn Mai	3/11/1963	ĐH	GV THPT	4.98	10/2010			27	09/2016	7	09/2015	4.98	10/2011	8124	7,015	29N		52N11T	01/10/2016	x			115,748	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy bộ môn Văn nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
	Hương			Tĩnh Gia 3													1T								
64	Nguyễn Văn	13/02/1959	ĐH	GV THPT	4.98	12/2006			33	09/2015	11	12/2015	4.98	07/2011	8896	7,625	35N		57N5T	01/07/2016	x			160,125	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy bộ môn Toán nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
	Quang			Mai Anh													10T								
				Tuấn huyện																					
				Nga Sơn																					
65	Lê Quang	19/06/1959	ĐHSP Văn	TPCM THPT	4.98	10/2004	0.15	09/2011	32	09/2015	13	10/2015	4.98	09/2011	9228	8,041	35N		57N3T	01/09/2016	x			164,841	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy bộ môn Văn nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
	Quỳnh			Hoằng Hoá 2																					
66	Phạm Văn Toàn	8/3/1959	ĐH	GV THPT	4.32	09/2013			21	09/2016			3.99	10/2011	7653	5,444	32N		57N7T	01/10/2016	x			97,992	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy bộ môn GDCD nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
				Bỉm Sơn									4.32	09/2013			2T								
67	Nguyễn Văn	10/11/1958		Bảo vệ	3.48	06/2016					7	06/2014	3.48	07/2011	4590	3,931	37N		57N8T	01/07/2016	x			81,568	Có 2 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
	Dung			TTGDTX													4T								
				tỉnh																					
6	Sở Văn hóa, thể thao và DL																							196,374	
68	Lê Văn Thế	02/10/1969	ĐH	Nhân viên kỹ thuật, Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng	3,99	12/2014							3,66	12/2011	4,589	4,034	29 n	29 n	47 tuổi	01/07/2016			x	196,374	Viên chức 02 năm liên tiếp liền kề được phân loại 01 năm HTNV và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực
			QTr														11 th	11 th	5 th						
			KD																						
			T.hợp																						
b	KHỐI HUYỆN																							16,919,855	
1	Huyện Thường Xuân																							468,291	
69	Phạm Ngọc	23/02/1959	ĐH	Kỹ sư	4,98	12/2014							4,32	12/2008	6,026	5,302	33n		57t	01/12/2016	x			99,406	02 năm liên tiếp liền kề VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
	Phan			Đài truyền									4,65	12/2011			05th		09th						
				thanh huyện																					
70	Cầm Thị Tin	15/07/1965	TH	Giáo viên	4,06	12/2011			32%	09/2015	5%	12/2013	3,86	12/2009	6,485	5,798	33n		51t	01/09/2016	x			133,380	02 năm liên tiếp liền kề VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
				trường TH															02th						
				Xuân Lẹ																					
71	Cầm Thị Quảng	05/04/1964	TH	Giáo viên	4,06	12/2011			32%	09/2015	5%	12/2013	3,86	12/2009	6,485	5,798	33n		52t	01/09/2016	x			115,596	02 năm liên tiếp liền kề VC có 01

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Sổ năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,Đ15 hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
				trường TH															05th						năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
				Xuân Lẹ																					
72	Lê Thị Nhung	03/06/1966	TC	Giáo viên	4,32	12/2014			24%	09/2015			3,99	12/2011	6,482	5,450	26n		50t	01/09/2016	x			119,909	02 năm liên tiếp liền kề VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
				Trường TH															03th						
				Xuân Dương																					
2	Thị xã Sầm Sơn																							188,884	
73	Phạm Thị Hoo	01/8/1963	TH	GV T. học	4,06	11/2011			28%	09/2016	8%	01/2015	4,06	11/2011	7,545	5,842	29 n		52 t	01/07/2016	x			99,316	02 năm liên tiếp liền kề VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
																	10 t		11 th						
74	Nguyễn Thị Liên	23/7/1965	SC	GV MN	3,45	10/2007							3,27	10/2005	3,968	3,732	33 n		51 t	01/08/2016	x			89,568	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhận, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn
																	10 th								
3	Thị xã Bỉm Sơn																							375,721	
75	Phạm Thị Thủy	31/01/1964	TC	GVMN	4,06	12/2007			33%	08/2015	10%	12/2014	3,86	12/2005	6,893	6,221	35 n		52 t	01/07/2016	x			127,366	02 năm liên tiếp liền kề VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
				Lam Sơn															5 th						
76	Trần Thị Thắng	8/12/1966	TC	GVTH	4,06	12/2011			27%	09/2015	6%	12/2014	3,86	12/2009	6,285	5,709	29 n		50 t	01/09/2016	x			128,250	02 năm liên tiếp liền kề VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
				Q.Trung															7 th						
77	Đào Thị Hà	7/8/1963	CĐ	GVTHCS	4,89	10/2012			31%	10/2015	5%	10/2015	4,58	10/2009	7,960	7,029	31 n		53 t	01/08/2016	x			120,105	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy bộ môn Văn nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
				Q.Trung													11 t								

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,DH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
4	Huyện Thiệu Hóa																							332,808	
78	Đỗ Thị Hương	20/4/1964	ĐH	PHT	4.98	11/2014	0.20	09/2010	27%	01/2016			4.98	11/2014	8037	6819	29N		52T4T	01/09/2016	x			119,333	02 năm liên tiếp liền kề VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ, không bố nhiệm lại, nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
				THCS																					
				Thiệu Toán																					
79	Nguyễn Thị Hỏ	18/8/1963	CĐSP Văn	Giáo viên	4.89	12/2015			29%	09/2015			4.89	12/2015	7633	6260	31N1 1T		53 Tuổi	01/08/2016	x			106,420	Dôi dư do sắp xếp lại
				THCS																					cán bộ giáo viên
				Thiệu Phú																					thừa giáo viên môn Văn
																									không thể bố trí công tác
																									khác được
80	Lý Thị Huệ	13/12/1963	CĐSP Văn	Giáo viên	4.89	10/2014			28%	01/2016			4.89	10/2014	7574	6588	30N		53 Tuổi	01/12/2016	x			107,055	Dôi dư do sắp xếp lại
				THCS													3T								cán bộ giáo viên
				Thiệu Phú																					thừa giáo viên môn Văn
																									không thể bố trí công tác
																									khác được
5	Huyện Tĩnh Gia																							119,574	
81	Nguyễn Thị Dung	14/5/1964	CĐ	GVTHCS	4,98	9/2014			28%	10/2015			4,58	9/2011	7,713	6,463	30n		52 t	01/09/2016	x			119,574	02 năm liên tiếp liền kề VC có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ, không bố nhiệm lại, nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
				Hải Nhân													11 th		4 th						
6	Huyện Thọ Xuân																							215,689	
82	Lê Thị Hạnh	05/01/1964	TC	GVTH	4,06	12/2010			29%	10/2016	7%	12/2014	3.86	12/2008	6,505	5,970	30 n		52 t	01/12/2016	x			102,990	02 năm liên tiếp liền kề Viên chức đc xếp loại có 1 năm hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không HTNV, nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
																	3 th		11 th						
83	Nguyễn Thị Ánh	03/9/1963	CĐ	GVTHCS	4.89	11/1/2014			30%	09/2015			4.58	11/1/2011	7,311	6,435	30 n		52 t	01/7/2016	x			112,619	02 năm liên tiếp liền kề Viên chức đc xếp loại có 1 năm hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không HTNV, nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
																	8 th		9 th						
7	Huyện Triệu Sơn																							213,838	
84	Lê Thị Phượng	5/19/1964	TC	TTr TH	4.06	12/2008	0.2	1/1/2010	30%	9/2010	9%	12/2014	4.06	12/2010	8010	6,287	31n		52t2t	01/7/2016	x			119,453	Cả 2 năm liên tiếp, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác
				Xuân Thịnh													10t								
85	Ngô Quốc Chinh	8/12/1958	TC	NVHC	3.33	12/2011					24%	12/2014	3.33	12/2011	4787	4,390	38n		57t10t	01/7/2016	x			94,385	Có 2 năm liên tiếp, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào
																	10t								

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng tiền hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi đã đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm tham công việc NN,nH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan khẳng sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
																									mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác
8	Huyện Đông Sơn																					0		578,330	
86	Nguyễn Thị Phượng	02/9/1963	TC	GVTH Đông Thịnh	4,06	12/2010			29%	9/2015	7%	12/2014	4,06	12/2010	6.781	5.847	30 n 11 th		52 tuổi 11 tháng	01/8/2016	x			102,329	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
87	Nguyễn Thị Oanh	10/7/1964	5C	Nhân viên trường TH Đông Hòa	3,33	12/2005					15%	12/2014	3,33	12/2005	4.634	4.067	30 n 11 t		52 tuổi 0 tháng	01/7/2016	x			81,349	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
88	Trần Quốc Trung	15/01/1961	ĐH	Giáo viên trường THCS Đông Nam	4,65	12/2014			27%	10/2015			4,32	12/2011	6.791	6.030	33 n		55 t 7 th	01/9/2016	x			147,735	Dôi dư môn Thể dục do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
89	Đỗ Thị Hường	21/9/1963	CĐ	Nhân viên trường THCS Đông Nam	4,27	01/2014							3,96	01/2011	4.9105	4.500	32 n 2 th		53 tuổi	01/9/2016	x			76,500	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
90	Hoàng Hà	02/9/1958	ĐH	Hiệu trưởng trường THCS Đông Minh	4,98	7/2011	0,35	7/2011	35%	10/2015	11%	9/2014	4,98	7/2011	9.601	8.313	36 n 10 th		57 tuổi 10 tháng	01/7/2016	x			170,417	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
9	Huyện Vĩnh Lộc																							1,278,785	
91	Ngô Thị Nguyên	09/11/1963	TC	GVTH Vĩnh Thành	4.06	10/2009			30%	9/2016	10	10/2016	3.86	10/2007	6,959	6,053	30n 7th		52n 11th	01/10/2016	x			105,928	Dôi dư do quy mô học sinh giảm, giảm số lớp không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác bệnh hiểm nghèo
92	Trịnh Ngọc Biên	05/10/1959	ĐH	GVTHCS Vĩnh Tiến	4.98	9/2007			34%	9/2016	11%	9/2016	4.65	9/2004	8,963	7,882	36n		57n	01/11/2016	x			165,522	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy môn Toán nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
93	Hoàng Viết Bảo	12/11/1958	ĐH	GVTHCS	4.89	12/2009			33%	9/2016	8%	12/2015	4.58	12/2007	8,494	7,359	39n		57n	01/10/2016	x			160,058	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,Đ1t hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
				Vĩnh Thịnh													4 th		11th						dạy môn Lý nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
94	Hoàng Thị Nguyên	15/10/1963	ĐH	GVTHCS	4.89	11/2010			30%	01/2016	7%	11/2015	4.56	11/2006	8,226	7,061	32n		53n	01/10/2016	x			120,037	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy môn Văn nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
				Vĩnh Thịnh													1th								
95	Nguyễn Thị Lan	05/10/1965	ĐH	GVTHCS	4.89	11/2014			27%	01/2016			4.56	11/2011	7,822	6,806	29n		51n	01/12/2016	x			141,224	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy môn Văn nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
				Vĩnh Tân													3th		3th						
96	Nguyễn Văn	03/02/1960	ĐH	GVTHCS	4.89	12/2007			33%	01/2016	10%	12/2015	4.58	12/2004	8,656	7,667	35n		56n	01/12/2016	x			174,424	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy môn Văn nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
	Thắng			Vĩnh Yên													3th		10th						
97	Lê Thị Châu	20/12/1963	TC	GVMN	4.06	12/2010			33%	7/2016	7%	12/2014	3.86	12/2008	6,991	6,172	32n		53n	01/12/2016	x			106,467	Có 2 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giảm biên chế, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp loại vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
				Vĩnh Hùng													5th								
98	Nguyễn Thị	20/11/1963	CĐ	GV THCS	4.89	12/2014			28%	01/2016			4.58	12/2011	7,883	6,640	29 n		52n	01/9/2016	x			112,880	Dôi dư do sắp xếp lại giáo viên giảng dạy môn Địa nhưng không thể bố trí sắp xếp được việc làm khác
	Ngân			Tây Đô													11 th		9th						
99	Nguyễn Văn	02/3/1961	CĐ	PHTTHCS	4.89	10/2009			31%	02/2016	7%	10/2014	4.58	10/2006	8,797	7,539	32n		55n	01/8/2016	x			192,245	Cả 2 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giảm biên chế, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp loại vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp do bệnh hiểm nghèo
	Nguyên			Vĩnh Hưng													10 th		5 th						
10	Huyện Lang Chánh																							127,121	
100	Lê Thị Xuân	16/10/1966	TC	Giáo viên	4.06	1/12/2012			25%	9/2016	5%	1/12/2014	3.86	1/12/2010	6,128	5,527	26n,		50T, 0th	1/11/2016	X			127,121	VC có 2 năm liên tiếp được phân loại, đánh giá xếp vào mức 1 năm hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác
				Tiểu học													2th								
11	Huyện Hoằng Hóa																							1,129,426	
101	Nguyễn Thị Hồng	05/7/1963	CĐSP	GVTHCS	4.89	10/2011			29%	10/2015	5%	10/2014	4.58	06/2011	8,014	5,183	31 n		53 tuổi	01/7/2016	x			115,309	Giáo viên môn Văn dôi dư do sắp

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,nặng hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
				Hoằng Đạo									4.89	10/2011			9 th								xếp lại vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
102	Nguyễn Văn Hoa	10/11/1961	TCSP	GVTHCS	4.58	12/2014			27%	03/2016			4.27	10/2011	7,038	6,039	29 n		55 tuổi	01/11/2016	x			147,958	VC có 2 năm liên tiếp được phân loại, đánh giá xếp vào mức 1 năm hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác
				Hoằng Thanh									4.58	12/2014			2 th		0 tháng						
103	Nguyễn Thị vân	10/05/1964	TCSP	GVTH	4.06	12/2011			26%	09/2015			4..06	12/2011	6,561	5,655	28 n		52 tuổi	01/09/2016	x			96,129	CV có 2 năm liên tiếp được phân loại, đánh giá xếp vào mức 1 năm hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác
				Hoằng Đồng													2 th		4 tháng						
104	Tào Thị Hoa	06/02/1964	CĐSP	GVTHCS	4.89	12/2011			29%	01/2016			4.58	12/2011	7,633	6,716	30 n		52 tuổi	01/12/2016	x			115,851	Giáo viên môn Địa dôi dư do sắp xếp lại vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
				Hoằng Trạch									4.89	12/2013			3 th		10 tháng						
105	Lê Duy Trang	12/05/1959	CĐSP	GVTHCS	4.89	12/2007			34%	01/2016	8%	12/2014	4.89	12/2011	8,563	7,639	36 n		57 tuổi	01/12/2016	x			162,317	Giáo viên môn Sinh dôi dư do sắp xếp lại vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
				Hoằng Tân													3 th		7 tháng						
106	Lê Đức Lan	01/10/1959	CĐSP	GVTHCS	4.89	03/2010			33%	10/2016			4.89	12/2011	8,421	7,395	35 n		57 tuổi	01/12/2016	x			151,595	Giáo viên môn Toán dôi dư do sắp xếp lại vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
				Hoằng Yến													2 th		2 tháng						
107	Bùi Thị Hoa	01/01/1964	CĐ	GVTHCS	4.89	01/2014			29%	09/2015			4.58	09/2011	8,015	6,875	32 n		52 tuổi	01/09/2016	n			123,741	Giáo viên môn Văn dôi dư do sắp xếp lại vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
			SP	Hoằng Thắng									4.89	12/2011			0 th		8 tháng						
108	Lê Thị Huệ	23/09/1963	CĐ	GVTHCS	4.89	09/2013			29%	01/2016			4.98	09/2013	7,633	6,593	31 n		53 tuổi	01/09/2016	x			108,776	Giáo viên môn Lý dôi dư do sắp xếp lại vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
			SP	Hoằng Thắng															0 tháng						
109	Hán Thị Liên	23/10/1963	TCSP	GVTH	4.06	12/2009			30%	09/2015	8%	12/2014	4.06	12/2009	6,897	5,986	31 n		52 tuổi	01/08/2016	x			107,750	VC có 2 năm liên tiếp được phân loại, đánh giá xếp vào mức 1 năm hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác
				Lê Tất Đắc													11 th		9 tháng						
110	Đinh Thị Tâm	12/05/1962	TC	NVHC trường THCS Hoằng Thái	4.06	09/2007							4.06	09/2007	8,561	Không	36 n		54 tuổi	01/7/2016	X			0	VC có 2 năm liên tiếp được phân loại, đánh giá xếp vào mức 1 năm hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác
																	6 th		1 th						

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,Đ18 hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
t2	Huyện Thạch Thành																							4,592,369	
111	Phạm Thị Yên	05/7/1964	TCSP	Giáo viên MN Thạch Quảng	4.06	12/2007			28%	9/2015	10%	12/2014	4.06	12/2007	6,634	5,972	32n 8t		52t	01/7/2016	x			122,426	VCCó 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
112	Trịnh Thị Xuân	20/9/1963	TCSP	Giáo viên MN Vân Du	4.06	10/2004			34%	6/2016	13%	10/2014	4.06	10/2004	7,133	6,456	33n 2t		52n 11t	01/8/2016	x			119,436	VCCó 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
113	Phạm Thị Lan	20/7/1964	TCSP	Giáo viên MN Vân Du	4.06	10/2004			31%	9/2015	12%	12/2014	4.06	10/2004	6,912	6,271	33n 10t		52n1t	01/8/2016	x			125,420	VCCó 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
114	Lê Thị Vinh	06/10/1963	TCSP	Giáo viên MN Vân Du	4.06	10/2004			33%	9/2015	13%	10/2014	4.06	10/2004	7,079	6,433	34n 10t		52t10t	01/8/2016	x			125,444	VCCó 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
115	Bùi Thị Ngân	02/7/1964	TCSP	Giáo viên MN Vân Du	4.06	10/2004			27%	1/2016	13%	10/2014	4.06	10/2004	6,760	6,122	33n 11t		52n1t	01/8/2016	x			122,440	VC Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
116	Lê Thị Hằng	04/8/1963	TCSP	Giáo viên MN Vân Du	4.06	10/2002			33%	1/2016	15%	10/2014	4.06	10/2002	7,203	6,532	36n 11t		53t	01/8/2016	x			127,374	VCCó 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
117	Bùi Thị Thanh	15/5/1964	TCSP	Giáo viên MN Ngọc Trạo	4.06	10/2004			32%	9/2015	16%	10/2014	4.06	10/2004	7,211	6,510	32n 10t		52t2t	01/7/2016	x			126,940	VC Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Sổ năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,DH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
																									phù hợp.
118	Trương Đình Văn	15/05/1960	CĐSP	Hiệu trưởng TH Thành An	4.89	01/10/2009	0.4	9/1/2015	31%	9/2015	7%	10/2014	4.89	10/2009	8,559	7,558	32N 10T		56T02T	01/07/2016	x			170,055	VC Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
119	Hoàng Thị Mai	13/6/1964	TCSP	Giáo viên TH Thành Minh 2	4.06	12/2011			29%	9/2015	6%	12/2014	4.06	12/2011	6,445	5,791	31n		51n2t	01/9/2016	x			107,139	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
120	Trương Thị Huy	05/10/1964	CĐSP	Giáo viên TH Thành Minh 2	4.58	12/2014			28%	9/2015			4.58 4.27	12/2014 12/2011	6,742	6,003	30n		51n11t	01/9/2016	x			120,060	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
121	Đỗ Thị Hướng	10/12/1965	TCSP	Giáo viên TH Thành Tân	4.06	12/2011			29%	9/2015	6%	12/2014	4.06 3.86	12/2011 9/2011	6,445	5,791	31n		50n9t	01/9/2016	x			136,089	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
122	Phạm Ngọc Thắng	24/3/1960	CĐSP	Giáo viên TH Thành Tân	4.89	7/2014			34%	10/2015			4.58 4.89	7/2011 7/2014	7,536	6,786	35n 11t		56n5t	01/9/2016	x			162,864	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
123	Lê Thị Lý	12/10/1963	TCSP	Giáo viên TH Thạch Long	4.06	10/2010			29%	9/2015	7%	10/2014	4.06	10/2010	6,505	5,903	31n		52n11t	01/9/2016	x			103,302	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
124	Hà Thọ Nghĩa	02/2/1959	CĐSP	Giáo viên TH Thạch Cẩm 3	4.89	3/2012			36%	4/2016	5%	3/2015	4.58 4.89	3/2009 3/2012	8,010	7,053	37n 10t		57n 5t	01/7/2016	x			155,166	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
125	Bùi Thị Thủy	07/10/1965	TCSP	Giáo viên TH	4.06	1/2011			28%	9/2015	7%	1/2015	4.06	1/2011	6,454	5,838	30n		50n11t	01/9/2016	x			134,274	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi đa đáng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân xách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,DH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
				Thành Kim																					năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
126	Hoàng Thị Xuân	20/10/1963	ĐHSP	Giáo viên TH Thành Kim	4.65	12/2014			28%	9/2015			4.65	12/2014	6,845	6,002	30n		52n11t	01/9/2016	x			102,034	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
													4.32	12/2011											
													3.99	9/2011											
127	Lê Thị Thiêm	02/3/1965	TCSP	Giáo viên TH Thạch Quảng	4.06	12/2009			29%	10/2015	8%	12/2014	4.06	12/2009	7,386	5,980	31n		51t6t	01/9/2016	x			122,590	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
128	Bùi Văn Hiệu	15/9/1960	TCSP	Giáo viên TH Ngọc Trạo	4.06	12/2005			33%	9/2015	12%	12/2014	4.06	12/2005	7,017	6,324	34n		55t9t	01/7/2016	x			161,256	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
																	9t								
129	Nguyễn Thị Thiện	17/8/1963	TCSP	Giáo viên TH Thạch Sơn	4.06	12/2009			30%	9/2015	8%	12/2014	4.06	12/2009	8,398	5,941	31n		52t11t	01/7/2016	x			106,938	Có a2 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
																	10t								
130	Vũ Thị Hằng	10/12/1963	Cao đẳng	Giáo viên THCS Thạch Long	4.89	12/2014			29%	1/2016			4.89	12/2014	7,254	6,464	30n		52n8t	01/9/2016	x			113,120	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Sử nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
													4.58	12/2011			11t								
													4.27	9/2011											
131	Đỗ Quốc Tuấn	10/7/1961	Đại học	Giáo viên THCS Ngọc Trạo	4.98	1/2008			32%	4/2016	10%	1/2016	4.98	1/2008	8,022	7,620	33n		55t1t	01/8/2016	x			198,120	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Vật lý nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
																	8t								
132	Bùi Thị Sen	12/6/1964	CĐ	Giáo viên THCS Ngọc Trạo	4.89	12/2013			30%	2/2016			4.89	12/2013	7,311	6,618	31n		52t3t	01/9/2016	x			125,742	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Địa lý nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
													4.58	12/2010			11t								
133	Phạm Thị Xuyến	06/6/1966	CĐ	Giáo viên THCS Thành Kim	4.89	10/2015			28%	1/2016			4.89	10/2015	7,198	6,277	30n		50t3t	01/9/2016	x			150,648	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Vật lý nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
													4.58	10/2012											
													4.27	9/2011											

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niêm vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
134	Hà Thị Lan	18/6/1966	CĐ	Giáo viên THCS Thành Kim	4.58	10/2013			28%	1/2016			4.58	10/2013	6,742	6,108	30n		50t2t	01/9/2016	x			146,592	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Ngữ văn nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
													4.27	10/2010											
135	Nguyễn Văn Hiệp	02/12/1958	Đại học	Giáo viên THCS Thành Kim	4.98	10/2006			33%	2/2016	12%	10/2016	4.98	10/2006	7,800	7,833	35n 1t		57t11t	01/11/2016	x			152,743	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Ngữ văn nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
136	Trịnh Thị Xuân	12/6/1964	CĐ	Giáo viên THCS Thành Long	4.89	9/2014			28%	1/2016			4.89	9/2014	7,198	6,596	30n		52t6t	01/12/2016	x			120,377	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Lịch sử nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
													4.58	9/2011			3t								
137	Bùi Thị Thanh	06/3/1964	CĐ	Giáo viên THCS Thành Long	4.89	9/2014			30%	1/2016			4.89	9/2014	7,311	6,700	32n		52n9t	01/12/2016	x			122,275	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Toán nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
													4.58	9/2011			3t								
138	Nguyễn Đức Chi	10/10/1960	Đại học	Hiệu trưởng THCS Thành Tiến	4.98	10/2008	0.35	1/2013	33%	2/2016	8%	10/2014	4.98	10/2008	8,838	7,999	34n 10t		55t10t	01/8/2016	x			203,975	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
169	Nguyễn Thị Oanh	20/10/1963	CĐ	Giáo viên THCS Thành Tiến	4.89	10/2015			29%	1/2016			4.89	10/2015	7,254	6,327	31n		52t11t	01/9/2016	x			110,723	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Vật lý nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
													4.58	10/2012											
													4.27	9/2011											
140	Cao Thị Tâm	01/5/1965	CĐ	Giáo viên THCS Thành Tiến	4.89	10/2016			26%	2/2016			4.89	10/2016	7,086	6,158	28n		51t7t	01/12/2016	x			117,002	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Địa lý nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
													4.58	10/2013											
													4.27	12/2011											
141	Bùi Thị Tuyết	14/5/1964	CĐ	Giáo viên THCS Thành Thọ	4.89	10/2016			27%	1/2016			4.89	10/2016	7,142	6,212	29n		52t7t	01/12/2016	x			104,051	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Lịch sử nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
													4.58	10/2013			t3								
													4.27	12/2011											
142	Bùi Thị Tú	03/12/1964	CĐ	Giáo viên THCS Thành An	4.89	10/2014			29%	2/2016			4.89	10/2014	7,254	6,412	30n		51t8t	01/9/2016	x			131,446	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Lịch sử nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
													4.58	10/2011			11t								
													4.27	9/2011											
143	Bùi Thị Mai	12/4/1964	CĐ	Giáo viên THCS Thành	4.89	10/2015			28%	1/2016			4.89	10/2015	7,198	6,437	30n		52t8t	01/12/2016	x			111,038	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Lịch sử nhưng
													4.58	10/2012			4t								

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi đa đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,Đ1 hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
				An									4.27	12/2011											không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
144	Quách Thị Mãa	12/2/1964	CĐ	Giáo viên THCS Thành Hưng	4.89	1/2016			28%	1/2016			4.89	1/2016	7,573	6,396	30n		52t10t	01/12/2016	x			110,331	Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm môn Lịch sử nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác phù hợp
													4.58	1/2013			3t								
													4.27	12/2011											
145	Nguyễn Thị Nguyệt	20/10/1964	TCSP	Giáo viên TH Thành Tiến	4.06	10/2009			29%	9/2015	8%	10/2014	4.06	10/2009	6,844	5,997	31n		51t10t	01/9/2016	x			122,939	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
13	Huyện Yên Định																							1,032,602	
146	Trịnh Văn Sơn	26/12/1958	ĐH	GV Toán, THCS Yên Thái	4.98	12/2011			36%	9/2016	6%	12/2013	4.98	12/2011	8,993	7,948	37n		57n11th	01/12/2016	x			156 973	Giáo viên môn Toán dôi dư do sắp xếp lại vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
																	3th								
147	Lê Thị Nhâm	10/8/1963	CĐ	GV môn Toán, THCS Định Công	4.58	12/2013			26%	9/2015			4.27	12/2010	6,983	5,923	27n		52n11th	01/7/2016	x			94 768	Giáo viên môn Toán dôi dư do sắp xếp lại vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
																	10th								
													4.58	12/2013											
148	Lê Thanh Xuân	24/6/1961	CĐ	Hiệu trưởng, THCS Định Hòa	4.89	10/2007	0.35	10/2007	32%	1/2016	9%	10/2014	4.89	10/2007	9,072	8,104	34n		55n6th	01/12/2016	x			203 818	02 năm liên tiếp liền kề được phân loại đánh giá mức độ HTNV nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.do bị pakinson
																	3th								
149	Nguyễn Xuân Trúc	17/8/1958	ĐH	GV môn Toán, THCS Lê Đình Kiên	6.04	1/2014					12%	12/2011	4.98	10/2007	9,940	8,458	37n		57n11th	01/7/2016	x			177 618	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
													5.70	1/2012			10th								
													6.04	1/2014											
150	Trịnh Thị Hương	12/12/1965	TC	GV TH, tiểu học Yên Phong	4.06	12/2010			28%	5/2016	7%	12/2014	4.06	12/2010	6,693	5,715	29n		50n6th	01/7/2016	x			131 445	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp
																	10th								
151	Lê Thị Hường	18/7/1964	CĐ	GV Tiểu học, trường tiểu học Yên Phong	4.89	10/2011			29%	10/2015			4.58	10/2009	7,736	6,689	31n		52n	01/7/2016	x			133 780	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
																	10th								

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,DH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
152	Trịnh Xuân Đào	24/10/1961	TC	NVHC trường TH Yên Thái	4.06	7/2007					10%	7/2014	4.06	7/2007	5,404	4,875	34n 7th		55n	01/11/2016	x			134 200	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
14	Huyện Ngọc Lặc																							1,061,307	
153	Lê Thị Lài	07/05/1964	TCSP	Giáo viên, Trường Mầm non Lam Sơn	4.06	12/2008			30%	01/2016	9%	12/2014	4.06	12/2008	6,961	6,167	30 n 07 th		52 tuổi 03 tháng	01/08/2016	x			114,090	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
154	Phạm Thị Phái	18/02/1964	TCSP	Giáo viên, Tổ trưởng Trường Mầm non Cao Ngọc	3.06	01/2015	0.20	09/2011	13%	01/2016			3.06 2.86	01/2015 01/2013	4,184	3,519	21 n 08 th		52 tuổi 07 tháng	01/09/2016	x			45,747	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
155	Nguyễn Thị Phượng	01/08/1964	TCSP	Giáo viên, Trường Tiểu học Ngọc Liên	4.06	12/2010			30%	09/2016	7%	12/2014	4.06	10/2011	6,833	5,934	31 n 01 th		52 tuổi 02 tháng	01/10/2016	x			109,779	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
156	Lê Thị Sơn	26/10/1964	TCSP	Giáo viên, Trường Tiểu học Ngọc Liên	4.06	12/2012			29%	09/2016	6% 6%	12/2014 12/2014	3.86 4.06	11/2011 12/2011	6,717	5,837	30n 02 th		52 tuổi 00 tháng	01/11/2016	x			110,907	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
157	Đinh Bá Dĩnh	10/10/1959	TCSP	Giáo viên, Trường Tiểu học Thạch Lập 2	4.06	12/2008			33%	09/2015	10%	12/2014	4.06	12/2008	7,252	6,209	34 n 10 th		56 năm 09 tháng	01/7/2016	x			139,702	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
158	Cao Thị Lịch	21/11/1963	TCSP	Giáo viên, Trường Tiểu học Kiên Thọ 2	4.06	12/2010			30%	10/2015	7%	12/2014	4.06	12/2010	6,833	5,890	31 n 10 th		52 tuổi 08 tháng	01/8/2016	x			106,020	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
159	Phạm Thị Phượng	01/02/1964	CĐSP	Giáo viên, Trường THCS Thủy Sơn	4.89	10/2016			26%	01/2016			4.27 4.58 4.89	12/2011 10/2013 10/2016	7,455	6,162	28 n 04 th		52 tuổi 10 tháng	01/12/2016	x			100,133	Giáo viên môn Văn dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi đã đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
160	Trần Minh Hàn	02/05/1960	CĐSP	Giáo viên, Trường THCS Lam Sơn	4.89	07/2010	0.15	01/2013	32%	11/2015	8%	07/2016	4.89	09/2011	8,435	7,277	33 n 09 th		56 tuổi 04 tháng	01/9/2016	x			167,371	Giáo viên môn Toán dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác
161	Lê Văn Thành	16/09/1959	TCSP (15e.208)	Giáo viên, Trường THCS Ngọc Liên	4.89	10/2009			35%	03/2016	8%	10/2015	4.89	09/2011	8,670	7,447	37 n 00 th		57 tuổi	01/09/2016	x			167,558	Giáo viên THCS chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn
15	Huyện Như Thanh																							2,131,442	
162	Lê Thị Loan	03/11/1963	TC	Giáo viên	4.06	12/2011			27%	12/2015	6%	1/12/2014	3,86	12/2009	6,345	5.689	27 n 8 th		52 tuổi 10 tháng	01/9/2016	x			91,024	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
163	Nguyễn Thị Hạnh	15/3/1965	TC	GV Tiểu học	4,06	6/2012			19%	9/2015	5%	01/0'6/2014	3.86	6/2010	5,889	5.228	31 n 4 th		51 tuổi 4 tháng	01/8/2016	x			113,709	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
164	Phạm Ngọc Sơn	10/01/1959	TC	GV Tiểu học	4,06	12/2010			20%	9/2016	7%	12/2014	3.86	1/12/2008	6.051	5.509	36 n 3 th		57 tuổi 9 tháng	01/11/2016	x			111,557	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
165	Lê Thị Thủy	10/10/1965	TC	GV Tiểu học	4,06	12/2010			31%	9/2016	7%	12/2014	3.86	1/12/2008	6.555	5.980	32 n 1th		51 tuổi 00 tháng	01/10/2016	x			139,035	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
166	Nguyễn Thị Tâm	21/1/1964	TC	GV Tiểu học	4,06	12/2009			31%	8/2015	8%	12/2014	3.86	1/12/2007	6,667	5.992	32 n 10 th		52 tuổi 5 tháng	01/7/2016	x			116,844	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
167	Nguyễn Thị Lý	5/6/1964	TC	GV Tiểu học	4,06	12/2010			30%	3/2016	7%	12/2014	3.86	12/2008	6.555	5.958	31 n 1 th		52 tuổi 3 tháng	01/10/2016	x			110,223	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi đã đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,ĐH hặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
168	Vũ Thị Xuyến	08/3/1964	TC	GV Tiểu học	4.06	12/2008			31%	3/2016	9%	12/2014	3.86	12/2006	6.728	6.120	32 n		52 năm 5 tháng	01/9/2016	x			116,280	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
169	Nguyễn Thị Thảo	14/11/1963	CĐ	GV THCS	4,89	12/2012			30%	10/2015			4.58	9/2009	7.676	6.692	31 n 11 th		52 tuổi 8 tháng	01/8/2016	x			120,456	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
170	Nguyễn Thị Hạnh	6/7/1965	CĐ	GV THCS	4,89	12/2013			28%	1/2016			4.58	12/2010	7.197	6.518	30 n		51 tuổi 2 tháng	01/9/2016	x			136,878	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
171	Nguyễn Thị Liên	05/10/1963	CĐ	GV THCS	4,89	7/2012			29%	1/2016			4.58	7/2009	7.617	6,721	30 n		52 tuổi 11 tháng	01/9/2016	x			114,257	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
172	Lục Thị Thin	3/12/1965	CĐ	GV THCS	4,89	1/2013			28%	1/2016			4.58	6/2010	7.198	6.707	30 n 3 th		51 tuổi 00 tháng	01/12/2016	x			149,231	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
173	Vũ Thị Hương	18/6/1964	CĐ	GV THCS, Tổ phó	4,89	9/2011	0,15	9/1/2011	30%	10/2015	5%	9/2014	4.58	9/2008	7.986	7.138	32 n		52 tuổi 2 tháng	01/9/2016	x			135,622	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
174	Trần Văn Khoái	19/5/1961	ĐH	GV THCS	4,98				31%	12/2015	17%	12/2014	4.65	12/2004	8.850	8.316	34 n		55 tuổi 3 tháng	01/9/2016	x			216,216	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp
175	Ngô Thị Thanh Nguyệt	06/8/1964	CĐ	GV THCS, Tổ trưởng	4,89	12/2012	0,2	9/1/2013	29%	1/2016			4.58	12/2009	7.928	6.779	30 n 11 th		52 tuổi	01/8/2016	x			132,191	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi đã đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
176	Nguyễn Thị Hàa	12/6/1966	ĐH	Kế toán	3,66	11/2013	0,2	1/1/2015					3.33	11/2010	4.439	3.853	22 n 3 th		50 tuổi	01/7/2016	x			81,876	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp
177	Lê Thị Lương	8/10/1963	TC	GV	4,06	12/2007			29%	5/2016	10%	12/2014	3.86	12/2005	6.685	5.992	32 n 01 th		52 tuổi 8 tháng	01/7/2016	x			107,856	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
178	Vũ Thị Nhiên	11/12/1962	ĐH	GV Tiểu học	4.65	8/2013			33%	10/2015			4.32	8/2010	7.412		34 n 10 th		53 năm 6 tháng	01/7/2016	x			0	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
179	Hà Thế Khánh	7/7/1958	TC	Phó GĐ TTHTCĐ xã	4.06	9/2004	0.4 0.35	8/1/2007 8/1/2013	34%	10/2015	17%	9/2014	4.06	9/2004	8.019	7.273	35 n 10 th		58 tuổi	01/7/2016	x			138,187	02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, VC có 01 năm được phân loại đánh giá mức độ HTNV và 01 năm không HTNV, ko thể bố trí việc làm khác phù hợp.
16	Huyện Bá Thước																							116,571	
180	Trương Tiến Đàm	12/9/1960	ĐH	Phó Trưởng trạm Khuyến nông huyện	4.98	01/2013	0.2	12/2012					4.65	01/2010	6,072	5,551	27N9T		56T	01/10/2016	x			116,571	VC Có 01 năm phân loại đánh giá xếp vào mức HTNV và 01 năm không HTNV nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp do mắt kém, dạy run.
181	Trịnh Thị Xoan	06/10/1962	TC	Giáo viên Trường Tiểu học Hạ Trung	4.06	12/2011			31%	12/2015	5%	12/2013	3.86	12/2009	6,443	4,669	33N		53T11T	01/09/2016	x			0	VC Có 01 năm phân loại đánh giá xếp vào mức HTNV và 01 năm không HTNV nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.
17	Thành phố Thanh Hóa																							1,134,430	
182	Đoàn Thị Quế	05/10/1963	CĐ	Tổ phó THCS An Hoạch	4,89	9/2014	0,15	9/1/2015	27%	10/2015			4.89 4.58	9/2014 9/2011	7,745	6 509	29 năm 1 tháng		53 tuổi	01/10/2016	x			100,890	Có 2 năm liên tiếp, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác.
183	Phạm Thị Huệ	04/2/1965	CĐ	GV THCS An Hoạch	4,89	12/2014			27%	1/2016			4.89 4.58	12/2014 12/2011	7,515	6,521	29 năm 3 tháng		51 tuổi 9 tháng	01/12/2016	x			128,789	Có 2 năm liên tiếp, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác.

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
184	Nguyễn Đăng	06/10/1958	ĐH	GV	4.65	7/2014			28%	1/2016			4.32	1/2011	7,202	6 123	35		57	01/09/2016	x			122,460	Có 2 năm liên tiếp, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác.
	Hạnh			THCS													năm		Tuổi						
				Thiệu													9		11						
				Khánh													tháng		tháng						
185	Lê Hoàng Oanh	11/11/1964	ĐH	GV	4,65	7/2014			28%	9/2015			4,32	1/2011	7,202	6,293	30		51	01/7/2016	x			127,433	Có 2 năm liên tiếp, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác.
				THCS									4,65	1/2014			năm		tuổi						
				Lê													4		7						
				Lợi													tháng		tháng						
186	Nguyễn Mạnh	30/01/1970	ĐH	GV	4.32	4/2011	0.35	01/09/2007	21%	9/2015			4.32	01/04/2011	6,838	5,974	23		46	01/07/2016			x	235,576	Có 2 năm liên tiếp, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác.
	Hùng			THCS													năm		tuổi						
				Quảng													10		5						
				Thanh													tháng		tháng						
187	Vũ Thị Bình	25/9/1964	ĐH	GV	4.65	12/2014			31%	9/2016	6%	12/2011	4.65	12/2014	7,371	6,338	32		52	01/12/2016	x			122,002	Có 2 năm liên tiếp, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác.
				TH									4.32	1/2012			năm		năm						
				Hoàng									4.06	12/2011			3		2						
				Quang													tháng		tháng						
188	Lê Thị Kim	23/4/1979	CĐ	Giáo	3.34	10/2014			13%	10/2015			3.03	7/2014	4,566	3,866	14		37	01/10/2016			x	94,886	Có 2 năm liên tiếp, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác.
	Dung			viên													năm		tuổi						
																			5th						
189	Bùi Thị Thảo	14/9/1964	CĐ	GV	4.89	12/2013			29%	9/2016			4.89	12/2013	7,945	6,638	31		52	01/10/2016	x			129,445	Có 2 năm liên tiếp, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác.
				THCS									4.58	12/2011			năm		tuổi						
				Hoằng									4.27	12/2008			1								
				Lý													tháng								
190	Lang Văn Khiên	17/4/1966	ĐH	KT	4.65	01/2015	0,2	01/2012					3.99	#REF!	4,887	5,989	22		50	01/07/2016		x		72,949	Có 2 năm liên tiếp, viên chức có 1 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác.
				Trung			0,3	10/2015					4.32	1/2012			năm		tuổi						
				tâm									4.65	1/2015			3		2						
				GDTX													tháng		tháng						
				TP																					
18	Huyện Nông Cống																							1,822,747	
191	Lê Thị Hảo	25/2/1965	TC	GVTH	4.06	12/010			28%	06/2016	7%	12/014	4.06	12/2010	5,728	5,939	30n		51t	01/12/2016	x			118,780	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác
				Tượng Văn													01th		9th						

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niêm vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,DH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
																									khác phù hợp
192	Lê Thị Oanh	22/6/1966	TC	GVTH	4.06	12/013			25%	12/2015	6%	12/014	3.86	09/2011	6,509	5,939	32n		50t	01/8/2016	x			139,950	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
				Trung Thành									4.06	12/2011			2th		02th						
193	Nguyễn Thị Tú	02/9/1963	TC	GVTH	4.06	8/011			32%	09/2015	12%	01/014	4.06	08/2011	7,263	6,353	33n		52t	01/7/2016	x			120,707	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
				Vạn Thắng													11th		11th						
194	Bùi Thị Huệ	23/4/1964	TC	GVTH	4.06	12/010			32%	01/2016	7%	12/014	4.06	12/2010	6,938	6,015	32n		52t	01/9/2016	x			117,293	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
				Yên Mỹ													8th		4 th						
195	Đỗ Thị Ái	12/9/1964	TC	VTHC Th	3.33	01/802					15%	01/014	3.33	01/2002	4,674	4,115	30n		51t	01/8/2016	x			83,329	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
				Công Liêm 1													5th		11th						
196	Nguyễn Thị Nhạn	25/6/1965	TC	GVTH	4.06	12/011			33%	08/2016	6%	12/014	4.06	12/2011	6,926	6,073	33n		51t	01/12/2016	x			138,161	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
				Tượng Lĩnh								12/014					4th		5th						
197	Nguyễn Thị Ngọc	03/4/1964	TC	GVTH	4.06	9/008			19%	09/2015	9%	01/014	4.06	09/2008	6,372	5,602	34n		52t	01/9/2016	x			114,841	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
				Vạn Thắng													7th		51h						
198	Lê Thị Sóu	27/5/1965	TC	GVTH	4.06	12/010			29%	03/2016	7%	12/014	4.06	12/2010	6,781	5,998	31n		51t	01/12/2016	x			124,459	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
				Tân Phúc													3th		7th						
199	Nguyễn Thị Minh	27/9/1963	TC	GVMN	2.06	01/014			12%	07/2016			1.86	01/2012	2,792	2,284	21n		52t	01/8/2016	x			29,692	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
				Công Liêm									2.06	01/2014			7th		10						
200	Đàm Thị Dung	20/11/1963	TC	GVMN	2.06	01/014			12%	07/2016			1.86	01/2012	2,792	2,340	20n		52t	01/10/2016	x			29,250	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
				Tân Thọ									2.06	01/2014			9th		10th						
201	Hoàng Thị Hoa	01/11/1964	ĐH	GVTHCS	3.99	11/013			18%	04/2016			3.66	09/2011	5,697	4,853	20n		51t	01/9/2016	x			74,008	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành
				Tr. Chính									3.99	11/2013			5th		10th						

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ(nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niêm vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN,ĐH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sxng làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	20	21	22	23
																									nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
202	Trần Thị Ngọc	01/1/1964	ĐH	GVTHCS Tr Chính	4.98	9/009			27%	09/2015	7%	9/014	4.98	09/2009	8,188	7,135	31n 5th		52t 8th	01/9/2016	x			126,646	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
203	Đỗ Thị Tâm	10/11/1966	CĐ	GVTHCS Tế Tân	4.58	10/012			25%	01/2016			4.27	10/2009	6,927	6,178	27n 3th		50t 01th	01/12/2016	x			140,549	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
204	Đỗ Thị Oanh THCS	10/2/1964	CĐ	GV THCS Tổ trưởng Hoàng Sơn	4.89	9/014	0.2	12/011	27%	09/2016			4.58	09/2011	7,822	6,784	29n 3th		52t 9th	01/12/2016	x			113,632	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
205	Lê Khắc Thành	14/12/1958	ĐH	GVTHCS Hoàng Sơn	5.36	12/014			30%	12/2015			4.65 4.98 5.02	11/2011 12/2011 01/2012	8,431	7,263	36n 3th		57t 10th	01/11/2016	x			147,076	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
206	Vũ Thị Xuân	06/4/1964	CĐ	THCS Thăng Thọ	4.98	9/013			29%	10/2016			4.58	09/2010	7,633	6,650	32n 02th		52t 7th	01/11/2016	x			119,700	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp
207	Đinh Thị Hằng	19/6/1964	TC	PV Đài TT huyện	4.06	9/011					6%	9/014	4.06	09/2011	5,027	4,577	30n 7th		52t 02th	01/9/2016	x			84,675	VC có 2 năm tại thời điểm xét tinyh giản biên chế, năm 2014 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015 không HTNV, nhưng không sắp xếp được công tác khác phù hợp

Danh sách này gồm có 207 người